

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH TÙY SỞ DIỄN NGHĨA SAO

QUYỂN 89

Sớ từ câu: “Cho nên trong kinh Tỳ-lô-giá-na” tiếp xuống: Là phần hai, nêu dẫn rõ ràng về kinh Giá Na. Lại, ở trên dùng nghĩa để chứng minh. Nay tức dùng văn để làm sáng tỏ.

Câu: “Chẳng thể nắm bắt” (Bất khả đắc) tức là tướng của Bát-nhã. Cho nên trong Bát-nhã đã giảng nói rộng về “vô đắc” là Bát-nhã.

Sớ từ câu: “Lại, kinh Văn Thù Ngũ Tự” tiếp xuống: Là phần thứ ba, dẫn kinh Văn Thù Ngũ Tự để chứng minh về môn Bát-nhã.

Sớ từ câu: “Tuy nhiên, năm chữ đầu” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích phần nêu dẫn riêng, trong đó hợp làm bốn mươi hai đoạn. Nay văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Giải thích riêng về năm chữ.

Hai: Giải thích chỗ còn lại.

Ba: Tổng kết, chỉ rõ.

Nay nói về phần một: Năm Chữ Là căn cứ nơi kinh Ngũ Tự Đà-la-ni, mà dẫn bản dịch của Đại sư Bất Không, kết hợp thông tỏ về tự âm. Nhưng các bậc cổ đức đối với kinh này chẳng có giải thích nhiều. Đại sư Tịnh Pháp có chương gọi là “Tuyên phục”, dùng sáu môn để phân biệt:

Thứ nhất: Giải thích tên gọi.

Thứ hai: Nói về thể tánh.

Thứ ba: Bàn về sự kiến lập.

Thứ tư: Giải thích về tướng.

Thứ năm: Nói về lợi ích.

Thứ sáu: Nêu hỏi, đáp.

Về chỗ giải thích tướng ấy cũng nêu dẫn rộng các kinh nhưng chẳng hoàn toàn đủ. Vả lại, trong các Kinh về phần âm chữ có xen tạp lẫn lộn, do âm chữ Phạm có rằng nhẹ, ngài Tam Tạng giải thích không xem nghĩa dưới, chỉ dùng phần chữ đồng, nên nhiều sai trái. Như Kinh

Niết-bàn cho chữ A là Á, trong đây thì Chữ La là đa. Những thứ này không thể dùng nghĩa cố định nên phần nhiều sai lầm.

Nay cũng có riêng một chương, nêu dẫn tổng cộng mười Kinh, một luận.

Một là: Hưng Thiện dịch bốn mươi hai tự môn Hoa Nghiêm.

Hai là: Kinh Đại Bát-nhã quyển thứ bốn trăm chín mươi ba.

Ba là: Dẫn kinh Đại Phẩm Bát-nhã, quyển tám.

Bốn là: Kinh Phóng Quang Bát-nhã, quyển sáu.

Năm là: Kinh Quang Tán Bát-nhã, quyển mười.

Sáu là: Kinh Phổ Diệu, quyển ba.

Bảy là: Tam Tạng Hưng Thiện với bản Biệt dịch Văn Thù Vấn Bát-nhã tự mẫu.

Tám là: Bản Biệt dịch Kim Cương Đỉnh Du Già Tự Mẫu.

Chín là: Kinh Đại Bát Niết-bàn, quyển tám.

Mười là: Kinh hiện nay (Kinh Hoa Nghiêm).

Nói một luận, tức là Luận Trí Độ.

Về kinh Ngũ Tự ấy chỉ giải thích năm chữ đầu, mỗi mỗi đều nêu dẫn đủ, đối chiếu để lãnh hội chỗ dị đồng. Nay phần Số giải chỉ dùng kinh Đại Bát-nhã cùng bản Biệt dịch về bốn mươi hai tự mẫu của Hưng Thiện, do hai bản phần nhiều giống nhau. Năm chữ đầu dùng kinh Ngũ Tự. Mười kinh nêu trên thì năm kinh trước giải thích về bốn mươi hai tự mẫu. Bốn kinh tiếp theo tức giải thích năm mươi hai tự mẫu. Thứ lớp không đồng, nhưng về nghĩa thì phần nhiều giống nhau. Trong kinh Ngũ Tự chỉ giải thích năm chữ. Các kinh Đại Phẩm, Phóng Quang, Quang Tán, chỉ là chỗ khác nhau về sự tóm lược, diễn rộng của kinh Đại Bát-nhã, về nghĩa của chữ cùng đồng. Thứ lớp chẳng giống nhau, nhưng về nghĩa thì hầu hết là đồng. Trí Luận lại giải thích kinh Đại Phẩm, nghĩa cùng đồng. Cho nên phần Số giải chỉ dùng hai kinh để giải thích đủ về ba mươi bảy chữ. Nay xét định về năm chữ, văn nơi phần Số giải phân làm hai:

Một: Giải thích riêng về năm chữ.

Hai: Thâu tóm theo hướng viên dung.

Nay nói về phần một: Phần Sao trở lại nêu dẫn rộng về năm chữ, phân làm năm đoạn. Văn đều có ba:

- Thứ nhất: Lập lại Tự mẫu của kinh gốc.

- Thứ hai: Dùng nghĩa của kinh kia để giải thích.

- Thứ ba: Lãnh hội ý của kinh hiện nay.

Thứ nhất: “Một là chữ A”. Là thứ nhất, nhắc lại tự mẫu của kinh.

Tức kinh hiện nay viết: “Lúc xưng chữ A”. Ở đây chỉ lược dùng chữ của chỗ được nhắc lại. Bốn mươi một Chữ Sau cũng đều như thế.

Thứ hai: Là nghĩa vô sinh. Tức chỗ giải thích nghĩa của kinh Ngũ Tự.

Thứ ba: Từ câu: “Do lý của vô sinh” tiếp xuống: Là lãnh hội sự giải thích của kinh hiện nay. Ý nói: Các pháp thấy đều vô sinh nên không sai biệt. Phần trên của kinh viết:

*“Tất cả pháp không sinh
Tất cả pháp không diệt
Nếu hiểu được như thế
Người ấy thấy Như Lai”.*

Nhưng kinh Đại Bát-nhã, Kim Cương Đỉnh hoàn toàn đồng với chỗ giải thích trên. Kinh Đại Phẩm viết: “Môn của chữ A, là tất cả pháp thứ nhất là chẳng sinh”. Trí Luận giải thích: “Nếu Bồ-tát, ở trong pháp của tất cả ngôn ngữ lúc nghe chữ A tức thì tùy theo nghĩa. Đó là hết thấy các pháp từ đầu đến nay, với tướng chẳng sinh. Do chữ A đề, đây gọi là đầu tiên. A nậu ba đà đây gọi là chẳng sinh”.

Giải thích: Văn của luận gồm hai đoạn: Một là theo kinh giải thích nghĩa. Hai là: Từ câu: “A đề, đây gọi là đầu tiên” tiếp xuống: Là lãnh hội chỗ giải thích về ngôn ngữ của từng nơi chốn. Bốn mươi một Chữ Sau đều như thế. Xem văn của luận ở đây tức biết bốn mươi hai chữ đều là tướng của đối tượng được nương tựa. Từ đấy, nhập nẻo “vô đắc” nơi Bát-nhã, nên gọi là môn của Bát-nhã. Kinh Phóng Quang nói: “Chữ A tức các pháp đến nhập nơi chỗ chẳng thấy có dấy khởi”. Kinh Quang Tán giải thích: “Chữ A, là môn của nhân duyên. Các pháp đã là quá khứ nên cũng không có chỗ dấy khởi”.

Giải thích: Chữ khởi nơi hai kinh trên tức là nghĩa sinh. Môn của nhân duyên là từ nơi duyên sinh. Kinh Văn Thù Vấn nói: “Chữ A, là âm thanh của vô thường”. Kinh Phổ Diệu viết: “Ở đây gọi là không là nêu rõ về âm thanh vô thường, khổ, không, vô ngã”. Hai kinh trên tự đồng như chữ Vô (không) của Tiểu thừa. Nếu chọn lấy nghĩa vô thường.. kia tức đồng với nghĩa vô sinh. Âm thanh chữ A đây, phát ra ngắn nên người dịch Kinh Niết-bàn cho là chữ Á, tương đương chữ đầu tiên. Tuy cách gọi hơi khác mà nghĩa cũng giống nhau. Vì vậy nói: Á là nghĩa Không thể phá hoại, tức gọi ba ngôi báu, dụ cho Kim cương, cũng giống như nghĩa vô sinh vậy.

Sớ câu: “Hai là chữ Đa”: Đây là nhắc lại kinh.

Từ câu: “Kinh kia, quyển thứ hai” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ

giải có năm:

Thứ nhất: Dựa nơi kinh Ngũ Tự để giải thích.

Thứ hai: Từ câu: “Nay gọi là Đa” tiếp xuống: Là xét chữ Đa theo hiện nay để giải thích.

Thứ ba: Từ câu: “Như tức vô biên sai biệt” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh.

Thứ tư: Từ câu: “Chính là người dịch” tiếp xuống: Là lãnh hội phần giải thích thiên lệch và chính xác. Nói: “Hình tướng của chữ cùng gần nhau”: Là nay chỉ rõ về hình tướng của hai chữ Phạm.

Thứ năm: Từ câu: “Nếu thuận theo chỗ không trần cấu” tiếp xuống: Là chính thức dùng Chữ La để kết hợp giải thích văn của kinh. Do nghĩa chữ của các kinh ở nơi phần thứ hai, đa số là giống nhau.

Kinh Đại Phẩm nêu: “Chữ La là nói sự tỏ ngộ về chỗ lia mọi trần cấu của tất cả các pháp”.

Kinh Phóng Quang nói: “Hai là Chữ La, ở nơi các pháp, dạng mạo cấu uest không còn”.

Kinh Quang Tán giải thích: “Môn của Chữ La là chỗ lia mọi trần cấu của các pháp”.

Kinh Kim Cương Đỉnh viết: “Chữ La là chỗ lia của tất cả pháp”.

Kinh Đại Bát Niết-bàn: “Chữ La có thể hủy trừ tham, sân, si, nêu bày pháp chân thật, cũng có nghĩa là hủy trừ các thứ trần cấu”.

Trí Luận viết: “Nếu nghe Chữ La, tức tùy theo nghĩa, nhận biết tất cả pháp lia mọi tướng cấu uest, do Chữ La xà, đây gọi là cấu uest”. Do các kinh trên đều là Chữ La ở phần thứ hai, đồng với nghĩa Lý cấu nên không nghi ngờ gì.

Sớ câu: “Ba là chữ Ba”: Bản Biệt dịch cùng các kinh khác phần nhiều ghi là Chữ Bả. Nay dựa nơi Chữ Bả của “Kinh ngũ tự” để giải thích nghĩa.

Kinh Đại Bát-nhã nói: “Chữ Bả là giáo pháp thẳng nghĩa của tất cả pháp”.

Kinh Đại Phẩm viết: “Chữ Bả là Đệ nhất nghĩa”.

Kinh Phóng Quang nêu: “Chữ Bả là Đệ nhất nghĩa tột bậc của các pháp Nê hoàn”.

Kinh Văn Thù Vấn giải thích: “Là âm thanh phát ra nghĩa thù thẳng”.

Giải thích: Các kinh trên đều nêu rõ chỉ một về Đệ nhất nghĩa, chính là chỗ cần được loại trừ. Chỉ có kinh Kim Cương Đỉnh viết: “Chữ Bả, là tính chất chẳng thể nắm bắt của Đệ nhất nghĩa” tức gồm đủ

tướng của Bát-nhã.

Sớ từ câu: “Nghĩa là chân tục cùng dứt bật” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh. Về hai chữ trước, đã dùng Đệ nhất nghĩa để loại trừ tục. Nay thì cũng không còn Đệ nhất nghĩa, tức lại loại trừ chân. Là cùng dứt bật cả chân tục mới là chân pháp giới. Trên là đối tượng được soi chiếu. Từ câu: “Các pháp đều bình đẳng” tiếp xuống: Là bao hàm sự soi chiếu khắp.

Trí Luận viết: “Nếu nghe Chử Bả tức nhận biết tất cả pháp hội nhập nơi Đệ nhất nghĩa. Do chữ Ba la mật đà, đây gọi là Đệ nhất nghĩa”.

Giải thích: Ở đây cũng chỉ nói đến “nhập nơi Đệ nhất nghĩa”.

Sớ câu: “Bốn là Chử Già”: Hưng Thiện dịch là Chử Tả, nghĩa thì hoàn toàn giống với kinh Ngũ Tự. Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Giải thích nghĩa.

Hai: Từ câu: “Các hành đã là không” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh. Kinh Đại Bát-nhã viết: “Hội nhập nơi môn Chử Già là tỏ ngộ về chỗ xa lìa sinh tử nơi các pháp. Hoặc sinh hoặc tử đều là “vô sở đắc”.

Giải thích: Các hành tức là thể của sinh tử. Nhưng các kinh đa phần biện minh về hành của sinh tử.

- Kinh Đại Phẩm, Đại Bát Niết-bàn giải thích về nghĩa chính là Chử Già, đều nêu rõ về môn xuất thế.

- Kinh Đại Phẩm viết: “Chử Già là chỗ chẳng thể nắm bắt của sự tu tập”.

- Kinh Đại Bát Niết-bàn nói: “Chử Già nghĩa là tu tập, điều phục tất cả các chúng sinh”. Nhưng hành xuất thế cũng chẳng thể nắm bắt, mới là môn của Bát-nhã.

- Trí Luận viết: “Nếu nghe chữ Già, tức thì nhận biết về tất cả các pháp với các hành thấy đều chẳng phải là hành. Do chữ Già lợi dạ, đây gọi là hành.

Sớ câu: “Năm là chữ Na”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Năng, nghĩa cũng hoàn toàn đồng. Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Dựa nơi kinh Ngũ Tự để giải thích nghĩa.

Hai: Từ câu: “Nghĩa là tánh tướng cũng dứt bật” tiếp xuống: Là lãnh hội chỗ giải thích nơi văn của kinh. Các kinh đa phần ghi là chữ Na.

- Kinh Đại Bát-nhã viết: “Nghe về môn của chữ Na, là hội nhập chỗ xa lìa danh, tướng của tất cả các pháp. Hoặc danh, hoặc tướng đều dùng “vô sở đắc” làm phương tiện”.

- Kinh Đại Phẩm nói: “Môn của chữ Na là chỗ lia bỏ danh, tánh tướng của các pháp, chẳng đồng, chẳng mất”.

- Kinh Phóng Quang giải thích: “Chữ Na, nghĩa là đối với bản tánh của chữ nơi các pháp cũng chẳng được, chẳng mất”.

- Kinh Quang Tán nêu: “Môn của Chữ Na là chỗ lia mọi danh tự của tất cả các pháp, cho phần gốc kia là thanh tịnh, nhưng chẳng thể thủ đắc”.

- Kinh Phổ Diệu nói: “Chữ ấy gọi là Bất (chẳng) ra khỏi, “chẳng” thuận theo chúng sinh, là âm thanh của lia bỏ danh, sắc”.

- Kinh Văn Thù Vấn viết: “Chữ Năng là âm thanh nhận biết khắp về danh sắc”.

- Kinh Kim Cương Đỉnh giải thích: “Danh sắc cũng chẳng thể thủ đắc”.

Ba kinh trên đều gọi là danh sắc. Danh tức là danh tự. Dùng chung hai Chữ Là chỉ cho tự tánh của sinh tử.

- Kinh Đại Bát Niết-bàn nêu: “Chữ Na là chỗ an trụ của Tam bảo không có lay động, dụ cho “cổng thành ngoài” của cửa như”.

Giải thích: Tam bảo chân thật vĩnh viễn lia mọi danh, tướng.

Trí Luận nêu: Nếu nghe Chữ Na tức nhận biết về tất cả các pháp là chẳng được chẳng mất chẳng đến, chẳng đi. Do Chữ Na tố, đây gọi là bất tức nghĩa là chẳng.

-Sở từ câu: “Lại nói, do chữ Na” tiếp xuống: Là phần hai, thâm tóm theo nẻo viên dung. (Phần một là giải thích riêng về năm chữ). Gồm bốn: Một: Từ phần sau thâm tóm ngược lại. Tức do phần năm cùng không có tánh tướng thì sao có phần bốn là các hành. Các hành tức là tướng nên có tướng, thì có phần ba là Đệ-nhất-nghĩa-đế Đã không có hành thì đâu có Đệ-nhất-nghĩa-đế? Do Đệ nhất nghĩa không nên có phần hai là bản lai thanh tịnh. Đã không có phần ba thì sao có phần hai? Do phần hai là gốc thanh tịnh nên mới nói về “chẳng sinh”. Đã không có phần hai thì sao có “chẳng sinh”?

Sở câu: “Do chữ A là pháp vốn chẳng sinh. Chữ Na là không có tánh tướng”: Là xoay chuyển để cùng thâm tóm. Do thứ nhất là chữ A, sinh ra thứ năm là Chữ Na, tức xoay vòng như vòng ngọc. Nghĩa là trong chẳng sinh thì đâu có tánh tướng? Nên khiến cho năm chữ hỗ tương sinh khởi, xoay chuyển không ngăn ngại.

Sở từ câu: “Ông biết chỗ chính yếu ấy” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận về hành quán, tỏ ngộ về gốc thanh tịnh thành ba quán không. Gọi là lia ngã, ngã sở. Ngã sở tức là pháp. Ba đoạn trên đều là văn của

kinh Ngũ Tự.

Sớ từ câu: “Trong kinh Giá Na” tiếp xuống: Là lãnh hội chỗ giải thích của hai văn. Cũng là tóm kết phần trước, làm phát sinh phần sau. Tóm kết về năm chữ ở trước, phát sinh phần sau là ba mươi bảy chữ còn lại.

Nói: “Đa phần dựa nơi kinh kia”: Tức là kinh Tỳ-lô-giá-na. “Cùng chỗ dịch của A Mục Khư” tức bản Biệt dịch về bốn mươi hai tự mẫu của Hoa Nghiêm. Đây là bản Biệt dịch về nghĩa đã đồng với kinh Đại Bát-nhã. Tức dựa theo phần kinh Đại Bát-nhã thì có hai, ba chữ về âm có chỗ dị biệt nhỏ, nên không nêu là dựa vào. Tuy nhiên, bản Biệt dịch của A Mục Khư đều trước là nhắc lại tên gọi nơi kinh Đại Bát-nhã, gọi riêng là phần trước, sau mới giải thích về nghĩa.

Sớ câu: “Sáu là chữ La”: Kinh kia thì ghi là chữ La (có bộ thủ), viết: “Lúc xướng lên chữ La là hội nhập nơi môn Bát-nhã Ba-la-mật, không có cấu uế tổ ngộ về tính chất xuất thế gian nơi tất cả các pháp. Chi ái nơi nhân duyên vĩnh viễn không còn hiện bày”.

Giải thích: Nay phần Sớ giải chỉ dẫn chỗ nghĩa được giải thích, lại không nêu kinh. Kinh kia so với kinh hiện tại hoàn toàn đồng. Song, kinh này thì phần tên gọi riêng ở dưới, còn kinh kia thì phần ấy ở trên. Nhưng dựa theo kinh Ngũ Tự cùng bản Biệt dịch bốn mươi hai tự mẫu kia, thì nơi mười hai chữ đầu, chỉ có chữ thứ năm có câu “Chẳng thể thủ đắc”. Mười một chữ còn lại tức dùng “chẳng sinh”, “thanh tịnh”, cũng không “có - không” v.v... là tướng của Bát-nhã. Ba mươi chữ còn lại đều có câu: “Chẳng thể thủ đắc”. “Chẳng thể thủ đắc” là tướng của Bát-nhã. Mà “chẳng sinh” v.v... kia cũng là tướng của Bát-nhã. Vì thế có câu “chẳng sinh” thì không cần câu “chẳng thể thủ đắc”. Nếu trong các chữ không có câu “chẳng sinh và chẳng thể thủ đắc” thì chỉ là pháp của đối tượng được nương tựa. Như chữ Già trước không có các hành nếu không có câu “không có các hành” chỉ nói về nghĩa Già, già tức là hành thì chỉ là chỗ nương tựa. Như câu “Sắc tức là không” đó là tướng của Bát-nhã. Nếu chỉ nói Sắc thì chỉ là đối tượng không” các chữ cũng như vậy. Lại như Chữ Ca thứ mười lăm nói là tác giả chẳng thể thủ đắc. Nếu không có câu “chẳng thể thủ đắc” thì chỉ là tác giả thôi. Ca tức là Tác giả nên những chữ khác cũng đều theo vậy, nhắc lại tự mẫu. Hai là dẫn giải thích. Ba là lãnh hội văn kinh, phần một Sao không nhận định. Hai phần sau đều nhận định mà Kinh hoặc để, nên chỉ nêu dẫn về nghĩa thôi.

Sớ câu: “Bảy là chữ Đà”: Bản Biệt dịch ghi là Chữ Na. Kinh Đại

Phẩm, kinh Phóng Quang đều ghi là chữ Đà, nghĩa giống nhau. Văn nơi phần Số giải, trước là giải thích nghĩa. Sau, từ câu: “Mới là phương tiện chẳng thối chuyển” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh.

Trí Luận viết: “Nếu nghe chữ Đà thì nhận biết về tướng thiện nơi tất cả các pháp, do chữ Đà ma, đây gọi là thiện”.

Giải thích: Chế ngự, điều phục, đạt được tịch tĩnh, tỏ rõ về chân như bình đẳng là sự tốt cùng của thiện.

Sớ câu: “Tám là chữ Bà” (Thượng thanh): Bản Biệt dịch cùng kinh Đại Bát-nhã đều ghi là chữ Ma, so với “Phổ ngã” thiết (đọc là phủ) nghĩa đại thể là như nhau. Văn nơi phần Số giải thì một là giải thích nghĩa. Hai là: Từ câu: “Mới nhập vào Kim cang tràng” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh. Như Phật nhập nơi pháp Tam muội Kim cang. Đoạn trừ như Kim cang. Hoặc ở nơi Kim cang tràng thì không còn buộc, mở là sự đoạn trừ đích thực.

Trí Luận viết: “Nếu nghe chữ bà tức nhận biết các pháp là không buộc, mở, do chữ Bà tha đây gọi là trói buộc”.

Sớ câu: “Chín là chữ Trà”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Noa, hai chữ đều là thượng thanh. Kinh Đại Phẩm, kinh Phóng Quang cũng là chữ Trà. Văn nơi phần Số giải:

Một là giải thích nghĩa.

Hai là, câu: “Là nghĩa diệt trừ khắp” tức là lãnh hội kinh.

Trí Luận nói: “Nếu nghe chữ Trà tức nhận biết về pháp giả dối không nóng giận. Do chữ Trà xà đà đây gọi là Bất nhiệt tức chẳng nóng giận.

Sớ câu: “Mười là chữ Sa” (Sử ngã thiết, đọc là sả).

Bản biệt dịch ghi là Chữ Sái. Kinh Đại Phẩm, Phóng Quang đều ghi là Chữ Sa. Văn trong phần Số giải thì:

Một là giải thích nghĩa.

Hai là, câu: “Như biển hàm chứa các hình tượng”: Là lãnh hội kinh. Hình tượng cùng với nước chẳng ngăn ngại nhau.

Trí Luận viết: “Như nghe Chữ Sa tức nhận biết về sáu thứ tướng nơi thân người, do Chữ Sa đây gọi là dục tức là sáu.

Giải thích: Do kinh Đại Phẩm nói: “Môn của chữ Sa, là sáu vua tự tại của các pháp, tánh thanh tịnh”, tức sáu xứ bên trong là sáu vua tự tại. Biển tâm trong lặng, chẳng ngăn ngại sự thấy nghe hiểu biết. Cũng như biển yên lặng thì chẳng ngăn ngại các hình tượng.

Sớ câu: “Mười một là chữ Phả”: Từ đây trở xuống, văn nơi phần Số giải, do sợ nhiều quá nên không nêu tiếp số thứ tự. Còn phần sao

diễn thì nhắc lại phần Số giải nhằm khiến không lẫn lộn, nên đều theo như thứ lớp mà ghi. Nếu có chỗ lãnh hội kinh thì sẽ nhận xét và nêu ra. Còn về phần giải thích nghĩa, thì văn hoặc lược bớt không nêu. Như trong văn nơi phần Số giải, câu: “Có thể an trụ khắp” là lãnh hội kinh. Đây chính là dựa vào chỗ giải thích nghĩa ở trên nên lãnh hội văn của kinh.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ phả thì nhận biết chỗ lìa tướng ngôn ngữ của tất cả các pháp, do chữ phả bà tha, đây gọi là ngôn ngữ”.

Số câu: “Mười hai là chữ Đá”: Từ câu: “Chẳng động tức phát ra Ánh sáng viên mãn” là lãnh hội kinh. Như ngọn đèn đặt yên nơi phòng kín. Như nước dừng lặng thì hình ảnh hiện rõ. Khế hợp nơi như như, nên biết là không động.

Trí Luận nói: “Như nghe chữ Đá tức nhận biết các pháp ở trong như, chẳng động. Do chữ Đá tha, đây gọi là như.”

Số câu: “Mười ba là chữ già”:

Câu: “Tỏ ngộ về như thật là chẳng sinh”: Là giải thích nghĩa.

Từ câu: “Tức các thừa” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Dạ tức nhận biết các pháp hội nhập nơi thật tướng, chẳng sinh chẳng diệt, do chữ Dạ-tha-bạt, đây gọi là thật”.

Giải thích: Lãnh hội chỗ luận giải thích này tức nhận biết khác với chữ thứ nhất là A. Ở chữ ấy nói: “Đầu tiên là chẳng sinh”. Đây thì gọi là: “Như thật chẳng sinh”, tức đối tượng được nương tựa của chẳng sinh, là thể của pháp nên khác.

Số câu: “Mười bốn là chữ Sắt trá”:

Câu: “Ánh sáng tỏa khắp” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh.

Trí Luận chỉ nêu mỗi chữ Trá và viết: “Như nghe chữ Trá tức nhận biết tất cả các pháp không có tướng chướng ngại, do chữ Trá bà, đây gọi là chướng ngại”.

Giải thích: Chướng ngại tức là các thứ phiền não hiện hành cần được chế ngự.

Số câu: “Mười lăm là chữ Ca, tỏ ngộ về sự tạo tác chẳng thể thủ đắc”: Về chữ Nầy, phần trên thì lược bớt từ “Tất cả các pháp”, phần dưới cũng có từ “Chẳng thể thủ đắc”. Từ đây về sau, các chữ đều có, phần trên là “Tỏ ngộ về tất cả các pháp”, phần dưới là “Chẳng thể thủ đắc”. Văn nơi phần Số giải do tóm gọn nên đều lược bớt, đến phần sau mới nêu chung.

Từ câu: “Tức tạo nghiệp như mây” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Ca tức nhận biết trong các pháp không có kẻ tạo tác. Do chữ Ca là ca la ca, đây gọi là kẻ tạo tác.

Giải thích: Đã không có người tạo tác thì sao có tạo nghiệp? Nghiệp đã cho là như mây thì chẳng thể dựa theo đấy để thâm tóm. Không ngã, không tạo tác nên không sai biệt.

Sớ câu: “Mười sáu là Chữ Ta” (đọc là tã): Chỉ có phần giải thích nghĩa. Văn đầy đủ là: “Tỏ ngộ về tất cả các pháp. Tánh bình đẳng chẳng thể thủ đắc”.

Trí Luận viết: “Như nghe Chữ Ta tức nhận biết về tất cả các pháp với nhất thiết chủng chẳng thể thủ đắc, do chữ Tát ta đây gọi là tất cả”.

Giải thích: Luận viết: “Nhất thiết chủng” là nhất thiết chủng trí. Kinh Phổ Diệu nói: “Gọi là trí tức âm thanh nêu xuất ra trí tuệ chẳng thể hủy hoại”. Kinh Kim Cương Đỉnh nêu: “Sự thật của tất cả pháp là chẳng thể thủ đắc”. Kinh Đại Bát Niết-bàn giải thích: “Chữ Ta là vì các chúng sinh giảng nói chánh pháp, ý nêu rõ bậc chủng trí ứng thời mà nói, cũng chẳng thể thủ đắc”. Nay kinh hiện tại gọi là “Tuôn xuống trận mưa pháp lớn”.

Sớ câu: “Mười bảy là chữ Ma”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Mãng, chữ Ma thì ở vào thứ mười tám. Kinh Đại Phẩm nói: “Ma, tức tỏ ngộ về tất cả các pháp với chỗ chấp về ngã sở là chẳng thể thủ đắc”.

Từ câu: “Ngã mạn là cao ngạo” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Ma tức nhận biết tất cả các pháp với nghĩa lìa ngã, ngã sở, do chữ Ma ca đây gọi là ngã sở”.

Sớ câu: “Mười tám là Chữ Già”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Già, nghĩa cũng hoàn toàn giống nhau. Do dễ hiểu nên không có phần lãnh hội kinh. Như nhằm lãnh hội, tức do hành, thủ mà có thể an lập.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Già tức nhận biết về tất cả pháp chỗ sâu thẳm là chẳng thể nắm bắt. Do chữ Già đà, đây gọi là đáy”.

Giải thích: Hành, thủ tức chỗ hết sức sâu của “đáy sinh tử”.

Sớ câu: “Mười chín là chữ Tha”: Phần Sớ giải chỉ giải thích nghĩa, do dễ hiểu nên không có phần lãnh hội kinh. Nếu lãnh hội, thì chân như bình đẳng là nơi chốn của đối được nương tựa, sinh ra tất cả, chung cuộc đều quy về đấy.

Trí Luận nêu: “Như nghe chữ Tha tức nhận biết về bốn câu “như khứ” là chẳng thể thủ đắc. Do chữ Đa tha A già độ, đây gọi là Như lai khứ”. “Như khứ” tức là xứ sở lúc khứ của Như Lai.

Sớ câu: “Hai mươi là chữ Xã”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Nhạ,

chỉ nêu lên về nghĩa. Nếu lãnh hội kinh thì “có chủ thể, có đối tượng, là biến thể gian”. Cho nên nơi phẩm Hiền Thủ gọi là lực của chủ thể duyên, đối tượng được duyên. Hết thấy pháp sinh ra đều chóng diệt không chút dừng nghỉ, niệm niệm thay như thế. Nay nói “Chẳng thể thủ đắc” mới thành Bát-nhã.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Xà tức nhận biết về chỗ sinh tử của các pháp là chẳng thể thủ đắc, do chữ Xà đề xà la, đây gọi là sinh tử”.

Sớ câu: “Hai mươi một là chữ tỏa”: Bản Biệt dịch ghi là Chữ Sa phạ. Nếu lãnh hội kinh, tức niệm Phật trang nghiêm là sự an ổn hơn hết.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Thấp ba tức nhận biết về tất cả pháp là không thể thủ đắc”. Luận nói: “Chữ Thấp ba không có nghĩa riêng”. Nhưng trong kinh Quang Tán nói: “Không có chỗ dấy khởi”. “Không có chỗ dấy khởi” tức là nghĩa an ổn.

Sớ câu: “Hai mươi hai là chữ Đà”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Đà. Về nghĩa tất nhiên nghĩa là do chữ thứ bảy cũng gọi là Đà. Cho nên chú giải nói: Như trên Nhưng kinh nói: Luận chọn tu pháp tức chủ thể duy trì tánh của giới. Tu pháp sai biệt tức là nghĩa giới, đều duy trì tự tánh của nó.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Đà tức nhận biết tánh của tất cả các pháp là chẳng thể nắm bắt, do chữ đà ma đây gọi là pháp”.

Sớ câu: “Hai mươi ba là chữ Xa”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Xả.

Kinh Đại Bát-nhã ghi là chữ Xả. Kinh Đại Bát Niết-bàn ghi là chữ Xa. Nếu lãnh hội kinh thì “Tịch tĩnh tức thuận hợp với giáo pháp của Phật”.

Trí Luận viết: “Nếu nghe chữ Xa tức nhận biết về tướng tịch tĩnh của chư Phật, do chữ Xa đạ đây gọi là tịch diệt”.

Sớ câu: “Hai mươi bốn là chữ Khứ”: Nếu lãnh hội kinh thì trí tuệ như hư không nên có thể hàm chứa.

Trí Luận nêu: “Như nghe chữ Khứ tức nhận biết về nghĩa tất cả pháp ngang bằng như hư không chẳng thể thủ đắc. Do chữ Khứ già, đây gọi là hư không”.

Sớ câu: “Hai mươi lăm là chữ Xoa” (đọc là xá)

Bản Biệt dịch ghi là chữ “toàn phục”. Nếu lãnh hội kinh, tức biến nghiệp sâu rộng, nên không gì là không bao hàm. Chẳng phải là pháp vô vị nên rốt cuộc cũng phải cùng tận.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Xoa tức nhận biết về tất cả pháp tận cùng là chẳng thể thủ đắc, do chữ Xoa na đây gọi là tận cùng”.

Sớ câu: “Hai mươi sáu là Chữ Sa-đa (sạ đá)”: Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một là giải thích nghĩa.

Hai là, từ câu: “Hoặc chướng là phi xứ” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Sạ đá tức nhận biết về biên vực của tất cả pháp là chẳng thể thủ đắc, do chữ A lợi ca đá độ cầu na, đây gọi là “Biên vực của sự việc chẳng thể nắm bắt”.

Giải thích: Do kinh Đại Phẩm nói: “Môn của chữ Đá là chỗ có của các pháp tức chẳng thể thủ đắc”. Luận vì vậy mà giải thích. Do có tức là có biên vực, đối với không. Có là vọng hoặc nên là phi xứ, do là có biên vực. Không là chân không, gọi là xứ nên là không biên vực. Hoặc và trí cùng dứt tuyệt, tức chẳng thể thủ đắc.

Sớ câu: “Hai mươi bảy là chữ Hoại”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Nương.

Nếu lãnh hội kinh, thì chủ thể, đối tượng nhận biết về tánh là cửa trí tuệ. Chủ thể nhận biết là trí tuệ, trí tuệ là cửa .

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Nhạ tức nhận biết trong tất cả các pháp không có tướng của trí, do chữ Nhạ na đây gọi là trí”.

Sớ câu: “Hai mươi tám là chữ Hạt la đá”: Bản Biệt dịch ghi là chữ La tha.

Từ câu: “Chấp trước là cảnh giới của sinh tử” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh.

Nói: “Nghĩa của cảnh giới” Tức gồm có bốn nghĩa:

Thứ nhất: Nghĩa của văn tức nghĩa của đối tượng được giảng giải.

Thứ hai: Nghĩa của cảnh là cảnh của đối tượng được duyên.

Thứ ba: Nghĩa về đạo lý, tức như khổ, vô thường v.v...

Thứ tư: Nghĩa về tánh, tức Đệ nhất nghĩa không.

Nay là nghĩa thứ hai, sinh tử là quả, chấp trước là nhân. Đều là nghĩa về cảnh giới nơi đối tượng được quán xét của trí tuệ.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Hạt la đá tức nhận biết về nghĩa của hết thảy pháp đều chẳng thể nắm bắt, do chữ A lợi tha đây gọi là nghĩa”.

Sớ câu: “Hai mươi chín là chữ Bà”:

Từ câu: “Chỗ nói về viên mãn” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh. “Đại sư Hưng Thiện dịch là đạo tràng”, nên phần Biệt dịch kia nói: “Gọi chữ bà tức đi vào tất cả cung điện là đạo tràng trang nghiêm là cửa

Bát-nhã Ba-la-mật. Do tiếng Phạm là Mạn trà la, chung cả hai nghĩa là đạo tràng, viên mãn”.

Trí Luận nói: “Như nghe chữ Bà, tức nhận biết rõ về tất cả pháp với tướng có thể bị hủy hoại là chẳng thể thủ đắc. Do chữ Bà già, đây gọi là phá hủy.”

Giải thích: Trong kinh nói “Cung điện trang nghiêm là do theo duyên nên cũng có thể bị hủy hoại. Do chẳng thể thủ đắc tức chẳng phải trang nghiêm mới là viên mãn thành Bát-nhã.”

Từ câu: “Nhưng chữ Bà ấy” tiếp xuống: Là lãnh hội chỗ vắng kia, tức thuận nơi các kinh thì phần nhiều là “khử thanh”.

Sớ câu: “Ba mươi là chữ Xa”: Bản Biệt dịch là chữ Soa. Nếu lãnh hội kinh thì vẫn đã gọi là phương tiện, tùy theo chỗ vui thích nên đều có sự viên mãn riêng.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Xa tức nhận biết về tất cả các pháp là không chỗ loại bỏ, do Chữ Già xa đây gọi là loại bỏ”. Kinh Đại Phẩm cũng nói: “Lúc nghe chữ Xa tức hội nhập nẻo đục của các pháp, không thể thủ đắc”. Nhưng luận nói: “Loại bỏ” tức do nơi kinh Phóng Quang viết: “Xa nghĩa là không thể trừ bỏ”. Tức chỗ loại bỏ của ưa muốn.

Sớ câu: “Ba mươi một là Chữ Sa ma”: Phần lãnh hội kinh có thể nhận biết.

Trí Luận nói: “Như nghe chữ thấp miểu tức nhận biết về nghĩa vững chắc của các pháp, như đá Kim Cương, do chữ A thấp miểu, đây gọi là đá”.

Giải thích: Ý nêu rõ về chuyên niệm kiên cố, tâm ta thì không một thứ đá nào có thể làm cho lay chuyển, cũng không thể thủ đắc.

Sớ câu: “Ba mươi hai là chữ Ha bà”: Bản Biệt dịch là chữ Ha phả. Văn nơi phần Sớ giải có giải thích nghĩa.

Câu: “Không duyên mời gọi khiến có duyên” tức là lãnh hội kinh.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Hỏa tức nhận biết về tất cả các pháp là không âm thanh, do chữ Hỏa dạ đây gọi là “gọi đến”.

Sớ câu: “Ba mươi ba là chữ Soa”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Đá bà. Nếu lãnh hội kinh tức dừng mãnh mới có thể tu tập, hội nhập các công đức.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Soa tức nhận biết về tất cả pháp là không keo kiệt, không bố thí, do chữ Mạt Soa la đây gọi là keo kiệt”.

Giải thích: Không keo kiệt, dừng mãnh bố thí tốt bậc là chỗ đứng đầu của hành. Dừng mà có thể hành nên được nêu riêng.

Mis en forme : Police :(Par défaut)
VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12
pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police :(Par défaut)
VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12
pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police :(Par défaut)
VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12
pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [1]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [2]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [3]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [4]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [5]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [6]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [7]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [8]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [9]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [10]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [11]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [12]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [13]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [14]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [15]

Mis en forme : Français (France)

Số câu: “Ba mươi bốn là chữ Già”: Nếu lãnh hội kinh tức như phần mặt bằng dày của đất nên có thể giữ vững, có thể hàm chứa. Như chỗ bình đẳng của biển có thể giữ vững, có thể bao hàm mây mưa, là nói về pháp.

Mis en forme : Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Già tức nhận biết về các pháp không dày, không mỏng, do chữ Già na đây gọi là dày”.

Mis en forme : Français (France)

Số câu: “Ba mươi lăm là chữ Trá”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Sá. Nếu lãnh hội kinh tức tích tập niệm Phật nên có thể được thấy khắp.

Mis en forme : Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Trí Luận viết: “Như nghe chữ tha tức nhận biết về tất cả pháp là không có trú xứ, do chữ Tha na, đây gọi là xứ”.

Mis en forme : Français (France)

Giải thích: Niệm tức là xứ.

Mis en forme : Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Số câu: “Ba mươi sáu là chữ Noa”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Ninh. Văn nơi phần Số giải gồm:

Mis en forme : Français (France)

Thứ nhất: Là giải thích nghĩa.

Mis en forme ... [16]

Thứ hai: Từ câu: “Tức là do thường quán xét” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh.

Mis en forme : Français (France)

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Noa tức nhận biết về tất cả pháp cùng chúng sinh chẳng đi chẳng đến, chẳng sinh chẳng diệt, chẳng ngồi chẳng nằm, chẳng đứng chẳng dậy, chúng sinh không, pháp không, do chữ Noa đây gọi là chẳng”.

Mis en forme ... [17]

Giải thích: Đến, đi v.v... tức là ồn ào, tranh cãi. Không tức là chẳng. Hai thứ trên đều chẳng thể thủ đắc mới là Bát-nhã.

Mis en forme : Français (France)

Số câu: “Ba mươi bảy là chữ Sa phả”: Bản Biệt dịch chỉ ghi mỗi chữ phả. Nếu lãnh hội kinh tức hóa độ chúng sinh rốt ráo mới là quả báo đầy khắp.

Mis en forme ... [18]

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Phả tức nhận biết về tất cả các pháp nhân quả đều không, do chữ Phả la đây gọi là không”.

Mis en forme : Français (France)

Giải thích: Nhân quả đều Không mới là viên mãn, cũng không thể thủ đắc.

Mis en forme ... [19]

Số câu: “Ba mươi tám là chữ Sa ca”: Bản Biệt dịch ghi là chữ Tác ca. Nếu lãnh hội kinh thì tích tụ là kho chứa rộng lớn, là chỗ tích tụ của vàng Ánh sáng không bị ngăn ngại.

Mis en forme ... [20]

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Ca tức nhận biết về tất cả pháp với năm chúng chẳng thể thủ đắc, do chữ Ca đại đây gọi là chúng”.

Mis en forme : Français (France)

Giải thích: Năm chúng tức là năm uẩn. Ở đây lược nêu một uẩn.

Mis en forme ... [21]

Số câu: “Ba mươi chín là chữ Già sa”: Nếu lãnh hội kinh tức tánh già yếu là cảnh giới của pháp Phật, gồm luôn cả phần già chết còn lại, Bồ-tát dừng mãnh quán xét về cảnh giới.

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [22]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [23]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [24]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [25]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [26]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [27]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [28]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [29]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [30]

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme ... [30]

Mis en forme : Français (France)

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Ta tức nhận biết về chữ Ta là không, các pháp cũng vậy”.

Giải thích: Do là tướng chung, lại không có giải thích riêng nhưng tánh già suy là nghĩa riêng.

Sớ câu: “Bốn mươi là chữ Thất giả”: Bản Biệt dịch ghi là Thất tả. Văn nơi phần Sớ giải trước là giải thích nghĩa. Từ câu: “Nghĩa là tích tập tức” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh. “Các xứ tức là dấu chân”: Tức dấu vết nơi chỗ hành hóa của Phật.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Già tức nhận biết về tất cả pháp với tướng chẳng động. Do chữ Già la đây gọi là động.”

Giải thích: Do kinh Đại Phẩm nói: “Môn của chữ Già là Hành của các pháp chẳng thể thủ đắc”. Hành tức nghĩa động. Chân là chủ thể hành, tức nhân nơi hành mà có dấu vết. Dấu vết là đối tượng được hành. Nếu dựa vào nghĩa này thì tiếng sám pháp được vang dội khắp tức pháp được hành hóa.

Sớ câu: “Bốn mươi một là chữ Sả”: Bản Biệt dịch ghi là Trá. Văn nơi phần Sớ giải gồm giải thích nghĩa. Từ câu: “Nghĩa là do vô ngã nêu rõ” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Trá tức nhận biết về tất cả pháp với bờ này bờ kia đều chẳng thể thủ đắc. Do chữ Trá la đây gọi là bờ”.

Giải thích: Tức do vô ngã thúc đẩy khiến đến “bờ kia”, cũng không thể thủ đắc. Nếu căn cứ nơi chỗ biểu thị về quả vị thì đây chính là Đẳng giác, nên pháp thân vừa viên mãn, ngọn - gốc vừa như nhau nên cùng dứt bật cả hai bờ.

Sớ câu: “Bốn mươi hai là chữ Đà”: Văn nơi phần Sớ giải cũng gồm phần giải thích nghĩa. Từ câu: “Chỗ gọi là cứu cánh ấy” tiếp xuống: Là lãnh hội kinh. Từ câu: “Nhưng bản dịch mới” tiếp xuống: Là lãnh hội về tự âm nơi kinh. Tức nơi bản Biệt dịch của Đại sư Hưng Thiện.

Trí Luận viết: “Như nghe chữ Trà tức nhận biết về tất cả pháp ắt chẳng thể thủ đắc, do chữ Trà kia, đây gọi là tất”. (Ất phải)

Giải thích: Chỉ đạt đến cứu cánh là ắt chẳng thể thủ đắc. Cho nên trong kinh Đại Bát-nhã đã do “vô sở đắc” mà đạt được Bồ đề. Lại, căn cứ nơi chỗ biểu thị về quả vị thì bậc bốn mươi hai này chính là Diệu giác. Cho nên kinh Đại Phẩm viết: “Môn của chữ Trà là hội nhập, nhận biết về nơi chốn, cảnh giới nơi biên vực của các pháp”. Kinh Quang Tán nói: “Môn của chữ Trá này là nơi chốn tận cùng của biên vực rốt ráo nơi tất cả các pháp”. Không sinh không tử, không có sự tạo ra đều là ý Bồ đề. Nếu căn cứ nơi lúc mới phát tâm liền thành chánh giác, tức đầu

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police : (Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

tiên là chữ A, sau cùng là chữ Trà.

Sớ câu: “Trên đây, từ chữ Sa” tiếp xuống: Là phần hai, tóm kết về tướng chung. Gồm ba:

Một: Lãnh hội chỗ giải thích về văn ở trên. Do phần Sớ giải sớ nhiều nên văn đã tóm lược.

Hai: Từ câu: “Trong đó, chỗ khó” tiếp xuống: Là lãnh hội phần nghĩa ở trên.

Ba: Từ câu: “Lại có đối hợp” tiếp xuống: Là nêu phần rộng ở chỗ còn lại. Phần này gồm ba chi tiết:

- Thứ nhất: Đối hợp về chỗ đồng, dị, trước đã hợp với cảnh.
- Thứ hai: Nói về nghi thức tu quán.
- Thứ ba: Nói về công đức đạt được.

Hai môn sau đều dựa nơi bản Biệt dịch của Đại sư Hưng Thiện. Nay sẽ nêu ra.

Trước hết là nêu rõ về công đức đạt được. Văn của đoạn kinh kia tóm kết viết: “Lại nữa, Thiện nam! Môn của chữ như thế biểu thị cho các pháp môn, lại không thể thủ đắc. Vì sao? Vì nghĩa của chữ như thế là chẳng thể nêu giảng, chẳng thể hiển bày, chẳng thể chấp giữ, chẳng thể thấu tỏ, chẳng thể quán xét, đều lìa các tướng. Thiện nam! Ví như hư không, là chỗ quy hướng của hết thảy các vật, các tự môn này cũng lại như vậy. Nghĩa không của các pháp đều nhập nơi môn này mới có thể hiển bày rõ. Nếu các Đại Bồ-tát, ở chỗ hội nhập vào các tự môn như thế, đạt được trí thiện xảo, đối với các ngôn âm để giảng giải, biểu thị đều không bị trở ngại, ở nơi “tánh không” bình đẳng của tất cả các pháp, có thể hoàn toàn chứng đắc, giữ vững, đối với các thứ ngôn từ, âm thanh đều được khéo léo; nếu các Đại Bồ-tát, có thể lắng nghe, hội nhập nơi các tự môn như thế, tức hiển bày dấu ấn của chữ. Nghe rồi thì thọ trì, đọc tụng thông suốt, vì người khác giảng nói, chẳng tham danh lợi, do nhân duyên ấy nên đạt được hai mươi thứ công đức. Đó là:

- Đạt được sự nhớ nghĩ mạnh mẽ, lâu bền.
- Đạt được sự xấu hổ tội bại.
- Đạt được diệu lực kiên cố.
- Đạt được chỗ sâu xa của các pháp.
- Đạt được sự hiểu biết tăng trưởng.
- Đạt được tuệ thù thắng.
- Đạt được biện tài vô ngại.
- Đạt được các môn tổng trì.
- Đạt được chỗ không còn nghi hoặc.

Mis en forme : Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Mis en forme : Français (France)

Mis en forme : Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Đạt được chỗ gặp thuận trái không giận dữ hay yêu thích.

Đạt được sự an trụ bình đẳng không có cao thấp.

Đạt được mọi ngôn âm thiện xảo nơi các chúng sinh.

Đạt được chỗ thiện xảo nơi uẩn, xứ, giới.

Đạt được chỗ thiện xảo của duyên khởi, nhân thiện xảo, duyên thiện xảo.

Đạt được pháp thiện xảo.

Đạt được trí thiện xảo, nhận biết về căn trí hơn kém.

Đạt được tha tâm trí thiện xảo.

Đạt được sự quán xét thiện xảo về tinh tú.

Đạt được trí thiện xảo nơi thiên nhĩ.

Đạt được trí tức trụ tùy niệm thiện xảo. Trí thần cảnh thiện xảo.

Trí sanh tử thiện xảo. Trí lậu tận thiện xảo.

Đạt được trí thiện xảo nêu bày về xứ, phi xứ.

Đạt được sự thiện xảo nơi các oai nghi qua lại, thể hiện.

Đây là hai mươi thứ công đức thù thắng.

Các kinh Đại Bát-nhã, kinh Phóng Quang, Quang Tán đại thể là giống ở đây.

Phần hai là nói về nghi thức tu quán. Văn nơi kinh kia nêu lên tên gọi. Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp giới nói về việc chứng đắc tức thì tự luân pháp thân nơi Phật Tỳ-lô-giá-na.

“Du Già Nghi Quỹ” giải thích: “Phàm muốn hội nhập tức thì nơi một thừa tu tập pháp quán về pháp thân của Như Lai Tỳ-lô-giá-na, thì trước hết nên phát khởi hạnh nguyện vi diệu của Bồ-tát Phổ Hiền. Lại nên dùng ba mật gia trì nơi thân, tâm, tức có thể tỏ ngộ, hội nhập nơi biển trí tuệ lớn của Văn Thù Sư Lợi.

Như có thể tu hành, đầu tiên ở nơi chốn vắng vẻ thâu giữ niệm, khiến tâm an, ngăn mắt, thân ngay ngắn, ngồi theo thế kiết già, vận dụng tâm để duyên khắp nơi vô biên biển cõi, quán xét kỹ về hết thủy chư Như Lai nơi ba đời. Ở trước khắp mỗi mỗi Phật, Bồ-tát, ân cần cung kính lễ bái nhiều quanh. Lại dùng vô số vật cúng dường như biển mây để dâng cúng hết thủy các Thánh chúng như thế. Cúng dường rộng lớn xong, lại phải quán xét về tự tâm, tâm vốn chẳng sinh, tự tánh thành tựu, Ánh sáng tỏa chiếu khắp, cũng như hư không. Lại nên dấy khởi sâu xa tâm bi thương xót chúng sinh, do chẳng giác ngộ về tự tâm nên bị luân hồi nơi các cõi. Ta sẽ hóa độ khắp, cứu giúp, dẫn dắt, khiến họ được khai ngộ rốt ráo, trọn vẹn. Lại phải quán xét về tự tâm, tâm của các chúng sinh cùng tâm của chư Phật vốn không có khác, đều bình

đẳng một tướng, thành tâm đại Bồ đề thanh tịnh, trong suốt, rộng mở, hiện hữu khắp, tròn sáng trắng trong, thành vàng trắng lớn, lượng bằng hư không, chẳng còn biên vực. Lại, ở trong vàng trắng, xoay theo bên phải, bày biện bốn mươi hai chữ Phạm, thấy đều sắc vàng ròng, phóng ra Ánh sáng lớn tỏa chiếu khắp mười phương, hiển hiện phân minh. Trong mỗi mỗi luồng sáng gồm đủ vô lượng biển cõi, nơi mỗi mỗi biển cõi có vô lượng chư Phật. Nơi mỗi mỗi chư Phật có vô lượng Thánh chúng trước sau vây quanh, an tọa nơi Bồ đề tràng thành bậc đẳng chánh giác, trí hội nhập ba đời, thân hiện khắp mười phương, chuyển pháp luân lớn, độ thoát muôn loài, thấy khiến hiện chứng Niết-bàn vô trụ. Lại quán xét để tỏ ngộ, hội nhập nơi bốn mươi hai tự môn của Bát-nhã Ba-la-mật, thấu tỏ hết thấy pháp đều “vô sở đắc”, có thể quán về pháp giới thấy đều bình đẳng không khác không riêng. Người tu tập Du Già, nếu có thể cùng với pháp Toàn Đà-la-ni, hành quán tương ứng, tức có thể hiện chứng về trí thân của Như Lai Tỳ-lô-giá-na, ở trong các pháp đạt không chướng ngại.

“Thứ tư là Ưu Bà Di Hiền Thánh”, có thể nhận biết.

“Thứ năm là trưởng giả Kiên Cố. Vô niệm căn cứ nơi tâm”: Tức cho chữ vô có hai cách dùng: Nếu ba chữ “vô trước niệm” được giải thích có sự liên hệ thì không chấp trước (vô trước) là căn cứ nơi chỉ, nhưng không ngăn ngại niệm. Niệm ghi nhớ rõ, tức chỉ quán cùng hành. Cũng lìa hai chướng, tức dùng trí đoạn mà trang nghiêm pháp thân, khiến ba đức được gồm đủ.

“Thứ sáu là Trưởng giả Diệu Nguyệt”, có thể nhận biết.

“Thứ bảy là Trưởng giả Vô Thắng Quân”: Giải thoát có hai giải thích:

- Thứ nhất: Căn cứ nơi dụng vô tận.

- Thứ hai: Từ câu: “Lại, các tâm - cảnh” tiếp xuống: Là căn cứ nơi thể vô tận. Từ câu: “Đã thấy Phật” tiếp xuống: Là dùng pháp để giải thích tên gọi.

Thứ tám là Bà-la-môn Tối Tịch Tĩnh: “Tức như thứ lớp giải thích hai nghĩa trước”:

Một là giải thích về khởi đầu, chung cuộc không có vọng.

Hai là: Từ câu: “Thiện nam! Ta do an trụ” tiếp xuống: Là giải thích về tùy hành chẳng hư dối tâm. Hành xứng hợp với lời nói nên chỗ tạo tác thành tựu viên mãn, chung nơi hai lợi cũng viên mãn. Từ câu: “Lời đối trá dứt” tiếp xuống: Là dùng pháp để giải thích tên gọi. Gồm ba:

Thứ nhất: Giải thích chữ “ Tối tịch tĩnh”.

Thứ hai: Câu: “Tịch tĩnh tức là tịnh hạnh”: Là giải thích chữ Bà-la-môn.

Thứ ba: Từ câu: “Lời nói, việc làm của người quân tử cũng như cái máy cái chốt” tiếp xuống: Là giải thích về tên của thành. Nhưng một câu này tức văn nơi phần hệ từ của sách Chu Dịch. Sách nêu: “Đức Khổng Tử nói: “Người quân tử ở trong nhà, mà nói ra, nếu lời nói hay thì người ngoài nghìn dặm cũng hưởng ứng, hướng chi là người ở gần. Ở trong nhà mà nói ra, nếu lời nói không hay thì người ngoài nghìn dặm cũng phản đối, hướng chi là người ở gần... Lời nói, việc làm của người quân tử cũng như cái máy, cái chốt. Cái máy, cái chốt đó phát ra rồi là cái gốc của điều vinh nhục. Do lời nói và việc làm mà người quân tử cảm động được trời đất. Như vậy sao chẳng nên thận trọng!”

Tuy là sách ngoài, nhưng về ý so với đây thì thích hợp. Song, trong ngoài của chỗ nói năng, hành động thì khác.

Sớ câu: “Chung cuộc của duyên hợp, ở đây hai thứ được viên mãn”: Tức bi, trí viên mãn.

Nói: “Sắp thấy Từ Thị nối tiếp quả vị Phật”: Từ Thị là bi viên mãn. Quả vị Phật là trí viên mãn.

“Thứ chín là đức sanh, hữu đức”:

“Ba là căn cứ trong năm loại pháp”: Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Thứ nhất: Giải thích tất cả pháp tức hữu vi.

Thứ hai: Từ câu: “Hết thấy do vô vi” tiếp xuống: Là nêu ra lý do đã chọn vô vi. Đồng với chân tánh theo luận Chưởng Trán. Hữu vi là không. Từ câu: “Thức dị thực v.v...” tiếp xuống: Là nêu ra quả của bốn loại còn lại. Dị thực là tâm. Vân vân là chỉ cho bảy thức còn lại cùng với tâm sở, sắc pháp và bất tương ứng hành. Từ câu: “Từ vô thủy” tiếp xuống: Là giải thích về ngã kiến cùng với nhân có thể tạo thành. Nhưng ngã kiến có hai:

Một là cùng với bảy thức tương ứng. Tức chấp thức thứ tám cho là nội ngã, nên gọi là ngã sở cùng với bốn Hoặc tương ứng. Nay nói ngã kiến v.v... thì chữ vân vân là chỉ cho ngã ái, ngã mạn.

Hai là cùng với sáu thức tương ứng là ngã chấp, gồm luôn bên ngoài giữ lấy cảnh vọng cho là ngã sở, cùng đẩy khởi các Hoặc khác, nên gọi là “vô số”.

Từ câu: “Cho nên cảm ứng nơi tâm” tiếp xuống: Là biện biệt về nhân. Phần cảm ứng nơi quả có thể nhận biết.

Sớ câu: “Hai câu bốn, năm, nêu riêng về bất tương ứng hành”:
Nhưng bất tương ứng hành có hai mươi bốn. Nay trong hai môn tóm lược còn lại bốn chữ vân vân là những tương ứng còn lại. Trong bốn nói “tức thời ấy” là giải thích trải qua ba đời. Ba đời là một thời của trong hai mươi bốn bất tương ứng hành.

Sớ câu: “Tức dựa nơi hành” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên do cho ba đời như huyền. Hành tức năm uẩn, sinh diệt trong từng sát na, trước sau tương tục. Đã qua rồi là quá khứ. Chưa dấy khởi là vị lai. Sinh rồi mà chưa dứt gọi là hiện tại. Lìa ngoài hành thì sao có phần vị mà có ba đời? Huống chi, hành của đối tượng được nương tựa là không thì chủ thể nương tựa sao có?

Sớ câu: “Câu năm tức vô thường, sanh lão v.v...”: Tức là ba pháp trong hai mươi bốn pháp: Một là vô thường. Hai là sanh. Ba là lão. So với phần kinh trên nói là sinh - diệt cùng chết, đều được thấu tóm nơi vô thường. Hai Chữ Sanh, lão tức là haipháp, chỉ lược không nói đến trụ. Lại, các Thánh giáo đa phần kết hợp sanh diệt gọi là vô thường. Sở dĩ như thế, vì sanh gọi là có. Có, chẳng phải là luôn có, chẳng như vô vi. Diệt gọi là không. Không, chẳng phải là luôn không, chẳng như là “sừng thỏ”. Do chẳng đồng với vô vi, sừng thỏ kia là tướng của hai thường nên gọi là vô thường.

Sớ từ câu: “Nghĩa là dựa nơi sanh đã hoại diệt” tiếp xuống: Là hiển bày nguyên do của như huyền. Cho nên luận Duy Thức quyển thứ hai viết: “Nhưng do lực nhân duyên của pháp hữu vi nên xưa không nay có. Tạm thời có trở lại không tiêu biểu cho sự. Vô vi giả lập làm bốn tướng: Xưa không nay có. Có vị gọi là sanh. Vị sanh tạm dừng tức gọi là trụ. Trụ khác với trước, sau, nên lại lập tên gọi là dị. Tạm có rồi trở lại không, lúc không ấy gọi là diệt. Đây tức dựa nơi phần vị sanh rồi hoại diệt để kiến lập.

Nói: “Đều là vọng phân biệt”: Tức chính thức hiển bày về nhân của huyền. Nhưng chỗ ưu bi khổ não tức sự việc trong sinh, lão. Thế chẳng phải là bất tương ứng hành.

Lại, câu bốn, năm ở trên cũng là nghĩa riêng trong mười hai nhân nêu trước. Câu bốn là nêu rõ về sinh, lão, tử của ba đời.

Sớ câu: “Đã có vọng tưởng nên chỗ nhận thức của tâm đều điên đảo”: Tức nêu ra ba thứ điên đảo:

Một là: Tướng điên đảo.

Hai là: Tâm điên đảo.

Ba là: Nhận thức điên đảo.

Nơi phẩm thập Hạnh đã phân biệt diễn rộng. Ở đây nêu có nhiều nghĩa. Nay là một nghĩa. Do chỗ nhận thức của tâm chẳng phải là nhận thức điên đảo. Do tưởng loạn nên khiến hai thứ còn lại đều điên đảo.

Sớ câu: “Pháp huyển chẳng phải là có”: Trong ấy lại căn cứ nơi có không, một - khác, gồm luôn phần sau là trung đạo, để làm ba quán...

Sớ từ câu: “Căn cứ nơi sự tức trong đó” tiếp xuống: Trước hết là giải thích về rộng lớn.

Từ câu: “Có nhiều Ánh sáng” tiếp xuống: Là giải thích về Phật Tỳ-lô-giá-na.

Từ câu: “A-tăng-kỳ v.v...”: Là giải thích về sự trang nghiêm.

Từ câu: “Tích tụ nhiều lâu gác” tiếp xuống: Là giải thích về sự cất chứa.

Sớ từ câu: “Gọi đủ là Mê Đế Lệ” tiếp xuống: Sách Tây Vực Ký cũng đã phiên dịch là Mai Đát Lệ, đều do tính chất nặng nhẹ của tiếng Phạm. Nhưng có ba duyên do: Ba duyên do này lần lượt cùng sinh. Nghĩa là do gặp Như Lai Từ Thị nên được pháp Tam muội Từ tâm. Được pháp Tam muội nên mẹ cũng là Từ. “Từ là dựa nơi trí mà trụ”: Trên là dùng lâu gác làm hai trí.

Sớ câu: “Câu đều gồm bốn sự có thể nhận biết”: Bốn sự này cũng tức là bốn nhân duyên gần của Niết-bàn, trước đã nhiều lần giải thích, nên viết là “Có thể nhận biết”.

Hai câu đầu tức gần gũi các bậc thiện tri thức.

Câu thứ ba tức lắng nghe chánh pháp.

Câu thứ tư tức theo như chỗ giảng nói mà tu tập.

Chánh niệm tư duy thì hiện khắp nơi bốn câu, nên câu câu đều khiến dấy khởi tưởng như thế. Cũng có thể cho câu thứ tư hợp với chánh niệm tư duy. Lại, câu thứ nhất là gồm đủ người của bốn sự việc. Ba câu còn lại có thể nhận biết.

Sớ câu: “Từ đây trở xuống, phần văn chính thứ ba nói về một người là Từ Thị”: Văn gồm hai:

Một: Nói về ý nối tiếp.

Hai: Từ câu: “Cho nên hoàn thành bậc Nhất sanh bổ xứ” tiếp xuống: Là giải thích phần thâm tóm đức để thành tên gọi của nhân.

Sớ từ câu: “Khế hợp với nguồn chân của Pháp tánh” tiếp xuống: Văn gồm mười câu:

Bốn câu đầu nói pháp được thuyết giảng hoàn toàn khế hợp với sự thật:

Ba câu trước là căn cứ nơi pháp.

Một câu sau là căn cứ nơi người. Người cũng được gọi là viên thành thật.

Bốn câu tiếp theo là dùng dụ để làm rõ. Dựa theo tướng khế hợp với thật, tức pháp mà giả, đồng với lý thật, nên đều có: câu trên là nêu về tướng, câu dưới là giải thích, xác nhận.

Hai câu sau là căn cứ nơi pháp để tóm kết về tánh tướng. Kinh nói: “Không có sanh, lần lượt hưng khởi, tàn tạ”: Do lại hưng khởi, tàn tạ nên không có sanh cố định. Câu sau, đã cho từ duyên sinh, nên nêu rõ là không định tánh. Vô tánh tức là pháp giới.

Sớ câu: “Ba vô ngại này, tức ba quán nơi một tâm”: Tức trước là Giả, tiếp theo là Không, sau là Trung, là nói có trước, sau. Nhưng Thiện Tài quán tâm, một niệm tức thì gồm đủ, chẳng phải từ Giả nhập Không v.v...

“Nay nói về phần một là đáp lại chỗ thiện ác”: Văn có mười câu: Nhưng chỉ giải thích về bốn sự, do cùng lẫn lộn. Nghiệp là tăng thượng duyên, tức tập khí của các nghiệp. Quả tức là dị thực do danh ngôn là chủng tử. Từ tín dấy khởi về Phật là thông hợp nơi chân nên tín là nguồn của đạo ắt dẫn đến Phật địa. Hóa Phật ứng hiện, tâm tôn kính nên có cảm ứng. Căn cơ cảm ứng nơi Phật gọi là cảm ứng nơi thân tha hóa. Tâm tín thành Phật chính là tự Phật. Phần còn lại dễ, có thể nhận biết nên sớ không giải thích.

Sớ từ câu: “Hai là khế hợp với Vô tánh” tiếp xuống: Văn có mười một câu, lược bớt không giải thích ba câu đầu, câu tám và câu mười một. Nếu giải thích đủ tức đã hồi hướng về Bồ đề há cho là hậu thân mà không có quả? Hai là tức lý nên chẳng phải là thường. Do chấp có cố định tức vướng mắc nơi thường. Đã nhận biết về nhân chính nên chẳng phải là không nhân. Chấp đoạn không quả thì kiến chấp ấy là không nhân. Trong phần giải thích câu thứ tư, thì thường chấp là vô thường đây là chỗ điên đảo của hai thừa, tức chẳng thấy lý thật là diệu hữu của Niết-bàn. Vô thường chấp cho là thường, là chỗ điên đảo của hàng phàm phu, tức không rõ về lý như thật của hai không.

Sớ câu: “Kiến chấp về trời tự tại”: Tức câu thứ năm. Vọng cho là đại tự tại có thể sinh ra muôn vật. Nay rõ là từ nghiệp nên không còn theo kiến chấp ấy. Tự tu tập về nghiệp của người hãy còn chẳng được sanh nơi cõi trời, sao có thể cho là do trời khiến mình khổ vui.

Phần giải thích hai câu tiếp theo, văn nơi bản Sớ giải có thể nhận biết chỗ kiến chấp về sự qua lại dễ lãnh hội nên không giải thích. Ảnh tượng theo thân nên đến đi không thật. Theo nghiệp nơi sáu đường thật

không có đến, đi. Trung luận viết:

*“Các hành chỗ qua lại
Thường chẳng hợp qua lại
Vô thường cũng chẳng hợp
Chúng sinh cũng như thế”.*

Về có - không có thể nhận biết.

“Lìa kiến chấp nơi tất cả pháp”, phần giải thích có ba câu:

Một là dùng lý để loại trừ. Trong Pháp tánh là không nên pháp tức chẳng phải là pháp.

Hai là duyên hợp thì chẳng thể chẳng sinh. Duyên lìa thì chẳng thể chẳng diệt. Do đấy, hết thấy pháp chẳng được tự tại.

Ba là dùng nguyện làm nhân sinh ra các pháp, nhân thành không tánh nên pháp tịnh cũng không.

Câu cuối dễ nhận thấy.

Sớ câu: “Ba là hợp quy về trung đạo”: Văn nơi phần Sớ giải gồm hai:

Một: Biện minh tổng quát.

Hai: Giải thích riêng.

Nơi phần một, nói: “Tùy nơi một câu đều lìa các lỗi lầm trên”: Như tùy theo hạt giống sinh ra mầm cây, tức lìa mọi điên đảo về, đoạn, thường, không nhân. “Nay lại nêu bày chung” tức chẳng đối chiếu với các lỗi lầm, chỉ theo tướng chung mà nói về nghĩa trung đạo.

Sớ từ câu: “Như hạt giống sinh mầm” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích riêng. Chính là dựa nơi hạt giống, mầm cây để chỉ rõ về tướng của trung đạo. Phần còn lại đều lược bớt. Nói: “Trung quán ấy nên thấu tóm hai phần trước”, tức hiển bày về Không, Giả là Không, Giả của trung đạo, chẳng phải là từ Không, Giả nhập vào trung này. “Như thế là lìa đoạn, thường”: Là đối chiếu để giải thích văn ở trên nói lìa chung các thứ lỗi lầm.

Sớ câu: “Hạt giống, mầm cây là dụ theo chiều rộng về muôn pháp”: Là nói về sự nhận biết tất cả các pháp. Tức các Pháp Hoặc thiện hoặc ác, hoặc trong hoặc ngoài đều từ nơi hạt giống của chính mình, nhờ vào duyên mà sinh.

“Như dấu ấn sinh ra hoa văn là dụ theo chiều dọc về các pháp”: Ấm này cũng diệt tức ấm hiện tại diệt. Ấm kia tiếp tục sinh, ba đời cùng đối chiếu, tức nơi kinh Đại Bát Niết-bàn, phẩm Tu Di sơn đánh đã dẫn. Nay lại lược chỉ rõ.

“Nghĩa là ấm này cũng diệt” là trung ấm sinh mà năm ấm này

chẳng đến nơi trung ấm. Năm ấm của trung ấm chẳng phải là từ nơi khác tới. Nhân nơi ấm hiện tại mà có ấm của trung ấm. “Như dấu ấn bằng sáp in lên đất mềm”: Ấn bằng sáp so sánh nơi ấm hiện tại. Trên mặt đất mềm có hoa văn hiện ra là dụ cho ấm của trung ấm. “Dấu ấn bị vỡ” là dụ cho ấm hiện tại diệt. Hoa văn thành hình là dụ cho ấm của trung ấm sinh. Ấn chẳng đến nơi đất mềm như ấm hiện tại chẳng đến nơi ấm sau. Do ấn là nhân duyên mà sinh ra hoa văn kia, tức như nhân nơi ấm hiện tại mà có ấm của trung ấm. Ấm hiện tại chẳng đến nơi ấm sau, tức là chẳng thường. Ấm sau chẳng phải là từ nơi khác tới, chỉ nhân nơi hiện tại mà có, tức chẳng đoạn. Chẳng đoạn chẳng thường là nghĩa trung đạo. Phần còn lại như trước đã nêu.

Sớ câu: “Thấu tỏ về thế gian nơi tâm hiện bày cũng chính là tâm quán”: Chính là trung đạo nên nêu ra chữ “cũng”. Tức dựa theo Duy Tâm để biện minh về ba quán: Nhờ nơi tâm duyên hiện tức là Giả quán. Hiện mà Không tánh tức là không quán. Hai quán trên chẳng hai tức là Trung đạo quán. Phần tiếp sau là câu gồm pháp, dụ, đối chiếu với trước có thể nhận biết...

Sớ câu: “Nhĩ Diệm, đây gọi là đối tượng được nhận biết”: Văn nơi phần Sớ giải đã lược dẫn luận Nhập Đại thừa. Luận viết: “Bồ-tát có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ công đức, đạt tới Nhĩ Diệm Địa hưởng đến Niết-bàn, do thương xót chúng sinh nên trở lại vào nơi sinh tử, A-tăng-kỳ kiếp thị hiện thọ nhận mọi khổ cực, vượt hơn tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác, gồm đủ mọi công đức, trí tuệ, do đầy vượt qua địa Nhĩ Diệm...” Cho đến viết: “Bồ-tát ở trong biển sinh tử, với A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, tu tập hành hóa tịnh trị địa, cầu giải thoát thanh tịnh. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tu tập, hành hóa tịnh thiền định. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu tập, hành hóa về trí tuệ thanh tịnh, dứt trừ chướng ngại của địa Nhĩ Diệm. Vì thế, Bồ-tát gọi là hành hóa theo thừa tự tại, gồm đủ thập Địa, đạt không chướng không ngại, hết thủy đều viên mãn nên chứng đắc vô thượng chánh đẳng chánh giác. Do đó, dùng trí nhĩ diệm nên thành tựu được quả vị lớn”.

Giải thích: Nhĩ Diệm là tiếng Phạm, đây gọi là trí mẫu (Mẹ của trí tuệ), cũng gọi là trí độ (Trí tuệ vượt bờ), cũng gọi là cảnh giới, cũng gọi là sở tri (Đối tượng nhận biết), tức sở tri chướng cũng gọi là Nhĩ Diệm. Do kinh nói: “Khiến vượt qua biển Nhĩ Diệm”. Cho nên nơi phần Sớ giải chỉ dùng một nghĩa là đối tượng được nhận biết, tức ở trong luận nói về A-tăng-kỳ kiếp thứ ba vượt quá biển sinh tử. Trong luận (Luận Nhập Đại thừa) lại nói: “Lúc hội nhập nơi thập Địa liền có thể vĩnh

viễn đoạn trừ, do thập Địa ấy nêu rõ việc đoạn trừ hai ngu cùng mọi sự thô trọng của chúng đều dùng Nhĩ Diệm làm đối tượng được nhận thức. Nếu căn cứ nơi phần đầu nói: “Đạt đến địa Nhĩ Diệm” cùng phần sau tóm kết: “Do trí nhĩ diệm mà thành tựu được quả lớn” tức bao hàm các nghĩa còn lại. Nay, theo ý của kinh chỉ nêu lên một nghĩa.

Sớ câu: “Mười một thiện tri thức, từ xưa có nhiều giải thích”:

Lược nêu ra ba:

Một: Cách giải thích từ xa xưa.

Hai: Cách giải thích của Đại sư Hiền Thủ. Phần này gồm hai:

- Thứ nhất: Nêu lên.

- Thứ hai: Từ câu: “Nếu dựa theo cách giải thích này” tiếp xuống:

Là nêu kiến giải của sách San Định Ký đả phá thầy mình.

Ba: Từ câu: “Có chỗ cho rằng” tiếp xuống: Là nêu cách giải thích của sách San Định Ký. Phần này lại gồm hai:

- Thứ nhất: Nêu ra cách giải thích ấy.

- Thứ hai: Từ câu: “Nếu thế tức” tiếp xuống: Là phần Sớ giải đả phá cách giải thích của sách San Định Ký. Trên đều là nêu ra các giải thích đã có từ trước.

Sớ từ câu: “Nếu kết hợp để thông tỏ” tiếp xuống: Là phần Sớ giải làm công việc kết hợp để giải thích. Kết hợp chung ba cách giải thích, từ sau kết hợp ngược lên trước.

Từ câu: “Nhưng phần sau lại nói” tiếp xuống: Là lãnh hội ý của Đại sư Hiền Thủ, cho một trăm mười vị biểu thị cho pháp là diệu.

Nói: “Ví như có ba Hiền cũng chỉ gồm đủ mười”: Thập Địa, mỗi mỗi địa đều thấu ba bậc. Một bậc hãy còn có thể thấu ba chung nơi mười hướng chỉ là ba Hiền hướng về địa, so sánh về loại thì tương tự, thấu ba về thiện mà thành.

Trong thập Địa đều tu tập một độ. Quả vị của thập Hạnh cũng đều là một độ. Quả vị của mười Trụ thì thứ nhất là phát tâm, sau cùng là Quán đảnh. Quả vị của thập Địa thì khởi đầu là chứng đắc Phát tâm, sau cũng là quán đảnh mà thọ nhận quả vị. Cho nên dựa vào việc chia Đẳng giác, hợp Tín thuộc trụ. Nếu hợp Đẳng giác tức chia ra mười Tín. Chia ra Tín là lùi. Chia đẳng giác là tiến. Do đấy khiến mười một thành một trăm mười.

Sớ câu: “Thành giới tức là mười tám giới”: Mười tám giới là tướng nhân của sinh tử. Tấn kinh gọi là ba cõi. Ba cõi là thành quách, là căn cứ nơi tướng của quả.

Nói: “Giới địa tức là bốn giới như địa v.v...”: Luận Câu Xá viết:

*“Đại chủng là bốn giới
Tức đất, nước, lửa, gió
Thành tựu, giữ các nghiệp
Tánh cứng, ướt, nóng, động”.*

Cùng với sáu xứ đều như nơi hai địa đã nêu.

Sớ câu: “Tức thân phàm phu nơi một đời”: Là căn cứ theo tính chất viên dung mà nói, cũng sinh giải, hành.

“Một đời” là căn cứ theo tính chất “hành bố” mà nêu.

Từ câu: “Cho nên chim thường của ngàn năm” tiếp xuống: Là xác nhận nghĩa thứ nhất là “Một đời của thân phàm phu”.

Từ câu: “Dựa vào thật để tu tập” tiếp xuống: Là nhằm thông tỏ chỗ vấn nạn ngầm: Căn cứ nơi pháp viên dung thì tức có thể như vậy, há có thể thân phàm phu một đời mà thành tựu được trọn vẹn? Nên vì đấy mà cần thông tỏ. Chẳng phải một mình Thiện Tài hành hóa mà có thể đạt được. Phần còn lại như nơi phẩm Phát Tâm công đức đã nói.

Câu: “Ba là nhập nơi mười Trụ”: Mười câu trong đó, vẫn có ba tiết: Hai câu đầu nêu tổng quát về hành vị. Bốn câu sau cũng chung cho bốn câu giữa nên có ba nghĩa:

Thứ nhất: Chỉ thân tóm ba Hiền. Do câu ba là nghĩa trí tuệ nhập nơi pháp giới cùng trụ. Câu bốn, năm đều là hành. Câu sáu là nguyện.

Thứ hai: Từ câu: “Lại, bốn câu trên” tiếp xuống: Là trở lại dùng bốn câu này để thân tóm thập Địa.

Câu ba tức trí chứng đắc của thập Địa chứng đắc mười pháp giới.

Câu bốn tức hành của địa riêng.

Câu năm tức xứng hợp với lý nên tu tập gồm đủ.

Câu sáu tức đại nguyện dẫn dắt các hành.

Thứ ba: Từ câu: “Lại, bốn nghĩa trên nghĩa gồm cả chung riêng”: Riêng như chỗ phối hợp thứ nhất. Chung tức là quả vị.

Sớ từ câu: “vẫn có hai trăm hai mươi một câu” tiếp xuống: Vẫn nơi phần Sớ giải phân làm hai:

Một: Phân định tổng quát.

Hai: Giải thích riêng. Nơi phần một, tổng cộng có bốn ý:

Thứ nhất: Nêu rõ chỗ phát khởi chung về ba tâm.

Thứ hai: Lại phân làm hai.

Thứ ba: Từ câu: “Lại, trước đa phần nêu rõ về” tiếp xuống: Là dựa nơi ba thứ phát tâm để phân ra làm hai.

Thứ tư: Từ câu: “Lại nữa, trước biện minh về công đức thù thắng của tâm Bồ đề” tiếp xuống: Là căn cứ theo chỗ cao rộng để phân. Tức

ý của Đại sư Quang Thống nên dựa vào đây để giải thích văn.

Nếu thuận theo ý thứ ba thì đoạn trước chỉ là ba Hiền. Tức phân làm ba thân tóm mười hai đoạn trên:

Ba đoạn đầu là mười Trụ.

Năm đoạn tiếp theo là thập Hạnh.

Bốn đoạn sau là thập Hội Hưởng.

Hai ý đều thông tỏ.

Lại pháp sư Hữu tông, ở nơi hai trăm hai mươi mốt dụ đều lập tên gọi riêng. Cũng chẳng phân biệt, nhận xét, cũng không có lý riêng.

Sớ câu: “Do trí kim cương nên chung cuộc là thành tựu Bồ đề”: Đã khởi đầu từ chủng tánh, chung cuộc là đạt đến trí kim cương nơi Bồ đề. Phối hợp theo chiều dọc thì lý hiện rõ. Tâm ban đầu tức thì gồm đủ công đức của các bậc, chính là thuận với tông chỉ của kinh. Cho nên nơi phẩm Tỳ-lô-giá-na nói: “Tất cả công đức đều ở nơi phần đầu tiên, trụ trong tâm Bồ đề”, tức là nghĩa này.

Lại, một trăm lẻ ba câu sau, trong phần nói về đức tự tại, nếu chỉ phối hợp với thập Địa thì cũng có thể tóm gọn: Mười Trụ là địa thứ nhất. Thập Hạnh là địa thứ hai. Thập Hội Hưởng là ba địa. Một, hai, ba địa cùng là bốn địa. Bốn, năm là năm địa. Năm thứ sau dựa nơi trước, theo thứ lớp mà phân định, cũng thuận nơi văn gốc, e nhiều quá nên không phối hợp với hành tướng của phần kia.

Sớ câu: “Trong khoảng ấy, tiếng Phạm gồm đủ như nơi sách Âm Nghĩa”: Sớ dẫn văn quá nhiều nên trong phần Sớ giải, tùy theo chỗ khó đã giải thích hai từ, tức Tỳ cấp ma, Bà lâu na. Phần còn lại chưa giải thích, nay sẽ nêu đủ.

Nói: “Đại Ứng già”: Ứng già gọi là thân. Nhưng thân có bốn tên gọi: Già da. Thiết lý la. Đệ ha. Ứng già. Tuy nhiên, Ứng già cũng gọi là phần, tức chi phần.

Tiếp theo nói: “Cây tên là San-đà-na, đây gọi là “hòa hợp”. Hoặc gọi là “đoạn tục”. Tức vị thuốc này có thể khiến cho người đã bị thương, chặt đứt, trở lại nối tiếp, hòa hợp.

Tiếp nữa, thuốc gọi là A-lam-bà, đây gọi là “được trấp” (thuốc nước). Thuốc này tìm thấy trong Hương sơn cùng Tuyết sơn, trời sinh ở trong chiếc cối đá. Hoặc gọi là “đắc hỷ”, tức đạt được thuốc ấy thì sinh hoan hỷ.

Từ câu: “Bốn là Tu di” tiếp xuống: Tức trong phần nêu công đức của bốn địa, cây Ba lợi chất đa la: Ba lợi, đây gọi là khắp, cũng gọi là giáp vòng. Chất đa la đây gọi là “xen lẫn trang nghiêm”. Ý nói cây này

hoa có nhiều màu sắc xen lẫn, giáp vòng để tạo nên vẻ đẹp đẽ. Hoặc gọi là viên diệu trang nghiêm (Tròn đủ sự trang nghiêm, đẹp đẽ).

Tiếp theo, nói: “Hoa Ba sư ca” gọi đủ là Bà lợi sử ca. Bà lợi sử đây gọi là mưa. Ca là ca la, đây gọi là thời gian, tức lúc mưa thì sinh. “Hoa Chim bạc ca” đây gọi là hoa sắc vàng. Hoa ấy có hương thơm mà hình dạng giống với hoa chi tử. “Hoa Tô ma na” đây gọi là hoa duyệt ý. Hoa này về hình, sắc đều có đủ sự đẹp đẽ khiến người xem thấy đều vui thích.

“Năm là Da tử” tiếp xuống: Là nêu rõ về công đức của năm địa. Thuốc nước tên Ha trạch ca, đây gọi là nước có sắc vàng ròng. Chim Ca lãng tần già trước đã giải thích. Đây gọi là mỹ âm, hoặc gọi là diệu thanh. Chim này xuất xứ nơi Tuyết sơn, còn ở trong vỏ trứng đã có thể hót được. Âm thanh ấy hòa nhã, người nghe không chán. “Ma ha na già” đây gọi là rồng lớn, cũng gọi là voi lớn. Nay, ở đây nói sức mạnh của lực sĩ như voi lớn.

“Tám như người” tiếp xuống: Tức trong phần nói về công đức của tám địa. “Cá Ma kiệt”, đây gọi là hình dạng to lớn, tức ở phương này thuộc loại Ba ba hết sức lớn. Hai mắt như mặt trời, miệng há ra như là hang sâu, tối, có thể nuốt cả chiếc thuyền lớn. Khi phun nước ra như thể thủy triều lên, hút nước vào thì như vực sâu, cao thấp như núi. Con lớn có thể dài tới hơn hai trăm dặm. “An thiện na” là thuốc có sắc xanh.



Page 639 : [23] Mis en forme TRAN Te-The 30/11/2017 10:40:00 CH

Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Page 639 : [24] Mis en forme TRAN Te-The 30/11/2017 10:40:00 CH

Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Page 639 : [25] Mis en forme TRAN Te-The 30/11/2017 10:40:00 CH

Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Page 639 : [26] Mis en forme TRAN Te-The 30/11/2017 10:40:00 CH

Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Page 639 : [27] Mis en forme TRAN Te-The 30/11/2017 10:40:00 CH

Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Page 639 : [28] Mis en forme TRAN Te-The 30/11/2017 10:40:00 CH

Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Page 639 : [29] Mis en forme TRAN Te-The 30/11/2017 10:40:00 CH

Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)

Page 639 : [30] Mis en forme TRAN Te-The 30/11/2017 10:40:00 CH

Police :(Par défaut) VNI-Times, (asiatique) VNI-Times, 12 pt, Français (France)